

Biểu mẫu 01

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG MẦM NON 19/5

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	1. Tổ chức ăn - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. (13-36 tháng) + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 930 - 1000 Kcal.</i> + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày: 765-893Kcal.</i> - Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ. + <i>Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% -20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% -40% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. 2. Tổ chức ngủ Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi: - Trẻ từ 13 đến 18 tháng ngủ 1 ngày 2 giấc : sáng (khoảng 90 phút) từ 9 giờ đến 10 giờ 30 phút, trưa (khoảng 120 phút) từ 12 giờ đến 14 giờ - Trẻ từ 19 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.	1. Tổ chức ăn - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.</i> + <i>Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.</i> - Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ. + <i>Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:</i> Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần. Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. 2. Tổ chức ngủ Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). 3. Vệ sinh - Vệ sinh cá nhân. - Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải. 4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

		3. Vệ sinh - Vệ sinh cá nhân. - Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải. 4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn - Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.	- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì. - Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng. - Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non	Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Trẻ thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Trẻ thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. - Trẻ có một số tố chất vận động ban đầu (nhANH NHẸN, KHÉO LÉO, THĂNG BẰNG CƠ THỂ). - Trẻ có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Trẻ có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC - Trẻ thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Trẻ có sự nhạy cảm của các giác	I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT - Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Trẻ có một số tố chất vận động: NHANH NHẸN, MẠNH MẼ, KHÉO LÉO và BỀN BỈ. - Trẻ thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Trẻ có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Trẻ có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Trẻ có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Trẻ có một số thói quen, kỹ

		quan. - Trẻ có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc. III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ - Trẻ nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Trẻ biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Trẻ sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Trẻ hồn nhiên trong giao tiếp. IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ - Trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Trẻ có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Trẻ thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Trẻ thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...	năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân. II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC - Trẻ ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Trẻ có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Trẻ có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Trẻ có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ - Trẻ có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày. - Trẻ có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...). - Trẻ diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Trẻ có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Trẻ có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Trẻ có một số kỹ năng ban
--	--	---	--

			đầu về việc đọc và viết. IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI - Trẻ có ý thức về bản thân. - Trẻ có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Trẻ có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Trẻ có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Trẻ thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ - Trẻ có khả năng cảm nhận về đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Trẻ có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Trẻ yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	1. Hoạt động giao lưu cảm xúc Trẻ gắn bó với người thân và mọi người xung quanh, tạo cảm xúc hân hỷ, phát triển các giác quan, hình thành mối quan hệ ban đầu với những người gần gũi. 2. Hoạt động với đồ vật Trẻ nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi và các đồ vật xung quanh, phát triển lời nói, phát triển các giác quan. 3. Hoạt động chơi Trẻ vận động và khám phá thế	1. Hoạt động vui chơi Hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau: - Trò chơi đóng vai theo chủ đề. - Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng. - Trò chơi đóng kịch. - Trò chơi học tập. - Trò chơi vận động. - Trò chơi dân gian. - Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

		giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi vận động, trò chơi dân gian. 4. Hoạt động chơi - tập có chủ định Trẻ phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ. 5. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân Trẻ có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày trạng thái trẻ sáng khoái, vui vẻ.	2. Hoạt động học Hoạt động học được tổ chức có chủ định, theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi. 3. Hoạt động lao động Trẻ có khả năng lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể. 4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân Trẻ có nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ được thỏa mãn trạng thái trẻ thoải mái, vui vẻ.
--	--	--	--

Quận 8, ngày 16 tháng 10 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thảo Ly

Biểu mẫu 02

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG MẦM NON 19/5

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	614	0	52	52	162	163	185
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	614	0	52	52	162	163	185
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	614	0	52	52	162	163	185
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	614	0	52	52	162	163	185
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	614	0	52	52	162	163	185
1	Số trẻ cân nặng bình thường	582	0	51	48	148	158	177
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	1	0	0	0	1	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	0	0	0	0	0	0	0
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	1	0	0	0	0	1	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	30	0	1	4	13	4	8

VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	614	0	52	52	162	163	185
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	104		52	52			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	510				162	163	185

Quận 8, ngày 16 tháng 10 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG

Phan Thảo Ly

Biểu mẫu 03

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG MẦM NON 19/5

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	31	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	20	2,79m ² /1 trẻ
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	01	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	5.894 m ²	9.63m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.138 m ²	1.85m ² /trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	96 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	16m ²	0.5 m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	32 m ²	0.94 m ² /trẻ
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>		
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>		
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	152 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	179 bộ	179/20nhóm (lớp)
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	46	46/2nhóm (lớp)

IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	1 máy chiếu 2 bảng tương tác 1 máy ảnh 20 vi tính	24/20nhóm (lớp)
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Máy photocopy	1	1/trường
2	Bộ thiết bị dạy học (Bảng tương tác)	1	1/trường
3	Máy chiếu	1	1/trường
4	Máy in	6	6/trường
5	Máy vi tính	20	1/nhóm lớp
6	Ampli, loa	2	2/ trường
7	Đồ chơi ngoài trời	46	2/trường

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	20		Phân biệt khu vực nam nữ	0.6 m ² /trẻ	Phân biệt khu vực nam nữ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0			

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu-điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

Quận 8, ngày 16tháng 10năm2021

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
TRƯỜNG MẦM NON 19/5

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	53		2	40	5	5	1	7	17	25				
I	Giáo viên	46			38	4	4		7	17	22				
1	Nhà trẻ	15			11	2	2		4	8	3				
2	Mẫu giáo	31			27	2	2		3	9	19				
II	Cán bộ quản lý	3		1	1						3				
1	Hiệu trưởng	1		1							1				
2	Phó hiệu trưởng	2		1	1						2				
III	Nhân viên	4			1	1	1	1							
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1					1								
3	Thủ quỹ	Kiểm nhiệm													
4	Nhân viên y tế	Kiểm nhiệm													
5	Nhân viên khác	2				1		1							

Quận 8, ngày 16 tháng 10 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

